



BÀN VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA TỶ LỆ AN TOÀN VỐN TỐI THIỂU VỚI TỶ LỆ KHẢ NĂNG THANH KHOẢN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

TS. TÔN THANH TÂM
Th.S NGUYỄN THỊ MAI DUNG

C hưa bao giờ vấn đề thanh khoản của các NHTM lại được đề cập nhiều như hiện nay. Nếu cách đây vài năm, tức trước khủng hoảng tài chính toàn cầu 2007-2008, vấn đề thanh khoản của các NHTM luôn được các Cơ quan quản lý và chính các NHTM ở nhiều quốc gia "giữ kín" bằng cách công bố khả năng thanh khoản của các NHTM luôn nằm trong ngưỡng an toàn. Mục đích của việc làm này nhằm duy trì sự ổn định của hệ thống tài chính ngân hàng và tâm lý người gửi tiền, đặc biệt là tránh hiệu ứng domino có thể xảy ra. Tuy nhiên, sau giai đoạn khủng hoảng, hệ thống tài chính toàn cầu gặp rất nhiều khó khăn về thanh khoản, buộc Ủy ban Basel phải xem xét lại chỉ tiêu an toàn vốn của các NHTM, trong đó lần đầu tiên Ủy ban Basel đưa ra một số chỉ tiêu về khả năng thanh khoản đối với các NH theo tinh thần Hiệp ước Basel III (ban hành tháng 9/2010) mà trước đó Basel I (1988) và Basel II (2004) chưa hề đề cập đến.

Đối với Việt Nam, vấn đề thanh khoản hiện nay của các NHTM đang được các nhà nghiên cứu nhìn nhận, phân tích từ nhiều góc độ khác nhau như: qui mô vốn nhỏ, năng lực tài chính thấp, tỷ trọng cho vay vào các lĩnh vực rủi ro cao, không có khả năng thu hồi vốn, dẫn đến nợ quá hạn

cao... đã làm cho các NH gặp khó khăn về thanh khoản. Hay việc áp trần lãi suất huy động 14% cũng làm cho một số NHTM có qui mô vốn tự có (vốn chủ sở hữu) nhỏ gặp không ít khó khăn về thanh khoản... Tuy nhiên, có một cách nhìn khác về tình trạng thanh khoản hiện nay của các NHTM, đó là việc chấp hành tỷ lệ An toàn vốn tối thiểu (CAR) chưa tốt, dẫn đến khả năng thanh khoản của một số NHTM có vấn đề. Từ góc nhìn này, bài viết xin phân tích và bình luận xoay quanh mối quan hệ giữa "tỷ lệ an toàn vốn" với "tỷ lệ khả năng thanh khoản" của các NH để giúp có cái nhìn đa chiều hơn khi nói đến vấn đề thanh khoản.

1. Một số nguyên nhân dẫn đến thiếu hụt thanh khoản hoặc mất khả năng thanh khoản của các NHTM.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến một NHTM rơi vào tình trạng thiếu hụt khả năng thanh khoản hoặc mất khả năng thanh khoản. Chẳng hạn, xét về nguyên nhân khách quan, có thể do chính sách tiền tệ thắt chặt của NHTW nhằm thực hiện mục tiêu giảm lạm phát, từ đó làm cho khả năng thanh khoản của nền kinh tế nói chung giảm, dẫn đến thanh khoản của các NHTM gặp khó khăn; hay do một NH A nào đó bị mất khả năng thanh khoản, kéo theo hiệu ứng domino, tạo nên dòng

người đổ xô vào các NHTM còn lại để rút tiền, dẫn đến NH B và NH C... cũng rơi vào thảm cảnh mất khả năng thanh khoản...; hay khi NHTW yêu cầu các NHTM áp trần lãi suất huy động, dẫn đến người dân rút tiền từ các NHTM nhỏ, ít danh tiếng sang gửi tại các NHTM lớn có danh tiếng cao hơn, từ đó gây không ít khó khăn về thanh khoản cho một số NHTM; hay do cuộc chạy đua về huy động vốn giữa các NHTM, dẫn đến tình trạng thiếu thanh khoản của một số ngân hàng. Tuy nhiên, tất cả những nguyên nhân trên không phải là nguyên nhân chính làm cho các NHTM rơi vào thảm cảnh thiếu hoặc cao hơn là mất khả năng thanh khoản, mà suy cho cùng, vẫn xuất phát từ chính các NHTM. Trong đó, căn bệnh cơ bản nhất vẫn là do chất lượng tín dụng thấp, cho vay quá nhiều vào các lĩnh vực có độ rủi ro cao như bất động sản, chứng khoán, hay một số lĩnh vực kém hiệu quả... dẫn đến người vay không có khả năng trả nợ cho NH, từ đó đẩy nợ quá hạn của NH lên cao, tình trạng thiếu thanh khoản của NH xảy ra. Đặc biệt, do các NHTM không cân đối được nguồn, sử dụng quá mức nguồn vốn huy động ngắn hạn để cho vay hoặc tài trợ cho các dự án dài hạn, khi đến hạn trả, NH không có nguồn trả, dẫn đến tình trạng thiếu hụt thanh khoản...

Nói tóm lại, nguyên nhân thì nhiều, nhưng tựu chung việc một số NHTM rơi vào tình trạng thiếu hụt thanh khoản hay mất khả năng thanh khoản phần nhiều là do chưa chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Ngân hàng Trung ương về công tác quản trị rủi ro, về các tỷ lệ đảm bảo khả năng chi trả, thanh khoản, hay tỷ lệ an toàn vốn... Vậy tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu có tác động như thế nào đến khả năng thanh khoản của các NHTM?

2. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) nói lên điều gì?

Theo quy định tại Thông tư số 13, các NHTM phải duy trì tối thiểu tỷ lệ an toàn vốn ở mức 9%, tức $CAR = \text{Vốn tự có (vốn cấp 1 + vốn cấp 2)} / \text{Tổng tài sản có}$ được điều chỉnh theo mức độ rủi ro > 9%. Ý nghĩa của công thức này muốn nhấn mạnh vào một điều rằng: cứ mỗi một đồng vốn tự có (vốn chủ sở hữu) mà NHTM huy động được dưới hình thức góp vốn của cổ đông (đối với NHTM cổ phần) hay Ngân sách Nhà nước cấp (đối với các NHTM Nhà nước) thì NHTM chỉ được huy động ra bên ngoài dưới hình thức huy động tiền gửi của các tổ chức kinh tế hay dân cư, hay huy động dưới các hình thức khác tối đa là 11 đồng. Nghĩa là nợ so với vốn chỉ được phép nằm trong mức qui định là 11 đồng. Nói rõ hơn, nếu NHTM có 1 đồng vốn tự có của chính mình thì được phép đi vay bên ngoài là 11 đồng để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh, kiếm lời của mình.

3. Vậy mối quan hệ giữa tỷ lệ an toàn vốn với khả năng thanh khoản diễn ra như thế nào?

Từ ý nghĩa trên cho thấy: nếu NHTM có 1 đồng, đi vay 11 đồng thì mức độ an toàn về thanh khoản vẫn đang nằm trong biên độ cho phép một khi có biến cố bất trắc xảy ra. Nhưng ngược lại, nếu có 1 đồng nhưng lại đi vay (huy động) 12 đồng, 15 đồng, thậm chí 20 đồng... tức là NHTM đã tự gánh trên vai mình một khoản nợ lớn hơn so với qui định. Khi xảy ra hiện tượng nhiều người gửi tiền cùng một lúc đến NH rút tiền (đối nợ), dẫn đến tình trạng NHTM không trả được nợ, mất khả năng thanh khoản diễn ra.

Để làm rõ hơn vấn đề này, cần quay lại tìm hiểu một số qui định theo Pháp lệnh trước đây để thấy rõ hơn sự thiếu hụt trong vấn đề thanh khoản của các TCTD. Cụ thể, theo Pháp lệnh Ngân hàng, Hợp tác xã tín dụng và Công ty tài chính năm 1990 (điều 23) qui định: "TCTD không được huy động vốn quá 20 lần tổng vốn tự có và quỹ dự trữ" điều đó có nghĩa là tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu tại thời điểm đó của các TCTD chỉ ở mức $CAR > 4\%$. Lưu ý rằng, ngày đó, NHNN không qui định tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu

đối với các TCTD mà chỉ khống chế mức huy động vốn tối đa được phép so với vốn tự có. Vì vậy, có thể giải nghĩa qui định này ra từ hệ số an toàn vốn theo như qui định ngày nay. Nói rõ hơn là NH có 1 đồng vốn tự có thì được phép huy động 20 đồng từ bên ngoài. Chính do duy trì tỷ lệ vốn tự có thấp, nợ vay cao, nên khi có sự cố, nhiều người đổ vào NH rút tiền cùng một lúc đã làm cho NH tê liệt, buộc TCTD phải vào dựa vào sự hỗ trợ của NHNN (người cho vay cuối cùng trong nền kinh tế khi TCTD gặp sự cố về thanh khoản). Điển hình tại thời điểm đó là sự sụp đổ của hàng loạt Hợp tác xã tín dụng (nay là Quỹ tín dụng nhân dân). Bài học này đã được NHNN chấn chỉnh bằng việc qui định mức tỷ lệ an toàn vốn cao hơn. Từ mức $CAR > 4\%$ theo Pháp lệnh lên mức $CAR > 8\%$ theo Luật các TCTD (tức cứ 1 đồng Vốn tự có, NH chỉ được phép huy động tối đa 12,5 đồng bên ngoài), và nay $CAR > 9\%$ (tức cứ 1 đồng Vốn tự có, NH chỉ được phép huy động tối đa 11 đồng bên ngoài). Với qui định này, mức chống đỡ của các NHTM ngày càng được củng cố và an toàn hơn. Từ phép tính đơn giản này, chúng ta có thể thấy, nếu 1 NH A duy trì tỷ lệ an toàn vốn ở mức lớn hơn 12% ($CAR > 12\%$) là mức trung bình mà các NHTM trong khu vực châu Á hiện nay đang thực hiện, thì tỷ lệ huy động vốn từ bên ngoài chỉ vào khoảng 8,3 đồng.

Tại sao CAR càng lớn thì mức thanh khoản của NH càng cao? Vì nếu NH sử dụng vốn vay (huy động) ít hơn so với qui định, khi gặp sự cố về chính sách kinh tế hay xảy ra các cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính, ngân hàng..., bản thân NH có thể tự giải quyết được ngay vấn đề thanh khoản, hay nói cách khác là NH không bị ảnh hưởng về vấn đề thanh khoản do lúc này NH đang sử dụng vốn của mình để kinh doanh, chứ

...Căn bệnh cơ bản nhất vẫn là do chất lượng tín dụng thấp, cho vay quá nhiều vào các lĩnh vực có độ rủi ro cao như bất động sản, chứng khoán, hay một số lĩnh vực kém hiệu quả... dẫn đến người vay không có khả năng trả nợ cho NH, từ đó đẩy nợ quá hạn của NH lên cao, tình trạng thiếu thanh khoản của NH xảy ra...



...Các NH phải có những chiến lược mạnh mẽ hơn trong việc nâng dần tỷ trọng thu phí từ các hoạt động cung cấp dịch vụ cho khách hàng thay vì tập trung quá lớn vào các hoạt động tín dụng và đầu tư như hiện nay...

không vay (huy động) từ bên ngoài quá nhiều, nên khi sự cố xảy ra, số người đến NH rút vốn ít, NH được bảo toàn. Đây cũng chính là lý do tại sao các NHTM luôn đẩy mạnh các hoạt động thu từ dịch vụ thay vì thu từ các hoạt động cho vay. Tỷ trọng lý tưởng mà các NHTM đạt được từ thu dịch vụ vào khoảng 50%-60% và cho vay đầu tư chiếm khoảng 40% đến tối đa 50% là an toàn nhất. Đây cũng chính là ý nghĩa lớn nhất về mối quan hệ mật thiết giữa tỷ lệ an toàn vốn với khả năng thanh khoản. Tỷ lệ an toàn vốn càng cao, tỷ lệ thanh khoản càng lớn. Ngược lại, để duy trì được tỷ lệ thanh khoản cao thì NH đầu tư và đẩy mạnh vào việc cung cấp các dịch vụ ngân hàng cho người dân, để qua đó gia tăng lợi nhuận, đảm bảo an toàn trong hoạt động cho NH. Tuy nhiên, đây là việc làm hết sức khó khăn đối với các NHTM đang kinh doanh hoạt động trong các quốc gia đang phát triển và chưa hoàn thiện về thể chế kinh tế thị trường như VN.

4. Những qui định mới về tỷ lệ an toàn vốn và khả năng thanh khoản

Trước sự căng thẳng về thanh khoản của hệ thống tài chính quốc tế diễn ra trong suốt cuộc khủng hoảng, vào tháng 9/2010, Ủy ban Basel III đã cho ra đời phiên bản mới quy định tỷ lệ an toàn vốn và duy trì trạng thái thanh khoản của các NHTM. Việc cho ra đời Phiên bản III nhằm giúp các NHTM hoạt động tốt hơn trong bối cảnh khủng hoảng. Theo đó, Basel III đưa ra các mức đủ vốn (tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu cho từng loại vốn) khác nhau như sau:

(1) $CAR = \text{Vốn cấp 1 (cổ phiếu thường)} / \text{Tổng TS có rủi ro (Rủi ro tín dụng + Rủi ro hoạt động + Rủi ro Thị trường)} > 7\%$.

(2) $CAR = \text{Vốn cấp 2} / \text{Tổng TS có rủi ro (Rủi ro tín dụng + Rủi ro hoạt động + Rủi ro Thị trường)} > 2\%$.

(Lưu ý: theo Basel II, Vốn cấp 1/Tổng TS có rủi ro $> 4\%$ và Vốn cấp 2/Tổng TS có rủi ro $> 4\%$).

(3) $CAR = \text{Vốn cấp 1} + \text{Vốn cấp 2} + \text{Vốn tính thêm đối với các định chế tài chính có tầm quan trọng hệ thống (dao động từ mức 1% đến tối đa 3,5\%)} + \text{Vốn đệm ngược chu kỳ (dao động từ 0% đến tối đa 2,5\%)} / \text{Tổng TS có rủi ro (TD+HD+TT...)} > 16,5\%$.

Như vậy, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo Basel III đang được điều chỉnh theo hướng tăng dần tỷ trọng vốn chủ sở hữu (vốn cấp 1) trong CAR nhằm gia tăng sức mạnh nội tại của NH trước những biến động bất thường có thể xảy ra, đồng thời giảm tỷ trọng vốn cấp 2 trong CAR nhằm giảm bớt sức ép trước các dòng vốn có thể bị rút ra khi có biến động. Với tỷ lệ mới này, việc các NHTM đạt được là rất khó, đặc biệt là đối với những ngân hàng nhỏ, nên vốn chủ sở hữu thấp, hoạt động trong các nước có môi trường kinh tế vĩ mô thiếu ổn định. Chính vì vậy, riêng các nước thuộc khối OECD, dự kiến đến năm 2019 sẽ chính thức áp dụng đầy đủ mức đủ vốn theo tinh thần Hiệp ước Basel III. Nếu xét công thức $CAR > 16,5\%$ nói trên, ta có thể thấy: cứ 1 đồng vốn chủ sở hữu, NH chỉ được phép huy động từ bên ngoài là 6 đồng. Một con số thực sự an toàn về thanh khoản cho NH trước bất cứ biến động nào, dù phạm vi biến động đó là cấp khu vực hay toàn cầu, thì "sức đề kháng" (vốn chủ sở hữu) của chính bản thân NH đều có thể chịu đựng được.

Bên cạnh tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu như đề cập trên, Basel III còn đưa ra các tỷ lệ đòn bẩy, tỷ lệ cấp vốn ổn định thuần, hay tỷ lệ bảo hiểm thanh khoản mà trong Basel I hay Basel II trước đó Ủy ban chưa đặt yêu cầu đối với các NHTM, đó là:

1. Tỷ lệ đòn bẩy = $\text{Vốn cấp 1} / \text{Tổng TS trung bình trong quý} + \text{các hạng mục ngoại bảng} > 3\%$.

2. Tỷ lệ bảo hiểm thanh khoản (LCR) = $\text{Tài sản thanh khoản chất lượng cao} / \text{Tổng dòng tiền mặt chảy ra thuần trong vòng 30 ngày tới} \geq 100\%$.

3. Tỷ lệ cấp vốn ổn định thuần (NSFR) = $\text{Số tiền có sẵn để cấp vốn ổn định} / \text{Số tiền cần thiết để cấp vốn ổn định} > 100\%$.

Rõ ràng, vấn đề thanh khoản đang ngày được các NHTM quan tâm, đặc biệt là Ngân hàng trung ương các nước. Vấn đề này càng ngày càng được thể hiện rõ nét hơn trong bối cảnh khủng hoảng tài chính toàn cầu, và ngay trong chính bản thân các NHTM tại VN hiện nay. Nguyên nhân dẫn đến vấn đề thiếu thanh khoản

(Xem tiếp trang 37)



doanh nghiệp niêm yết dễ dàng hơn trong huy động vốn và công nghệ, tạo điều kiện cho nhiều doanh nghiệp gia nhập các tập đoàn quốc tế nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, gia tăng sức cạnh tranh ...

11. Bỏ thủ tục xin mã số giao dịch cho nhà đầu tư nước ngoài, thay vào đó là thủ tục đăng ký qua mạng với Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Thủ tục cấp mã số giao dịch cho NĐTNN hiện hành còn nhiều rắc rối, phức tạp và mất nhiều thời gian nhưng lại không có ý nghĩa gì nhiều cho công tác quản lý nhà nước.

Thông lệ của hầu hết các quốc gia trên thế giới là không có thủ tục cấp mã số giao dịch cho NĐTNN, thay vào đó là NĐTNN ký hợp đồng mở tài khoản chứng khoán với công ty chứng khoán ở nước sở tại qua mạng. Quản lý dòng vốn gián tiếp thể hiện thông qua việc theo dõi hoạt động giao dịch có đúng Luật hay không, hay về chính sách thuế, chính sách tỷ giá trong từng giai đoạn. Nếu NĐTNN vi phạm Luật thì cơ quan quản lý luôn nắm đằng chuôi trong việc xử lý như yêu cầu Ngân hàng Lưu ký giữ một khoản tiền nếu NĐTNN cố tình không nộp phạt, thậm chí phong tỏa tài khoản để xử lý... Vì vậy, nên nhanh chóng cải cách việc cấp mã số giao dịch

đối với NĐTNN theo hướng chỉ cần đăng ký theo mẫu những thông tin cơ bản về tổ chức, cá nhân mà không phải làm thủ tục chứng thực gì khác.

12. Cho nhà đầu tư được vay số chứng khoán vừa mua nhằm tăng tính thanh khoản cho thị trường, thúc đẩy phong trào đầu tư giá trị.

Luật Chứng khoán hiện hành đã có qui định cho vay chứng khoán nhưng chưa có Thông tư hướng dẫn. Trong giai đoạn hiện nay, để bảo đảm an toàn cho nhà đầu tư, VAFI đã đề nghị qui định được ứng trước số chứng khoán đã mua để đảm bảo giao dịch T + 0.

Giải pháp này rất an toàn cho nhà đầu tư, vì không phải vay nợ, đồng thời giúp công ty chứng khoán xây dựng quỹ hàng hóa có chất lượng, loại bỏ những cổ phiếu không phù hợp về giá trị. Việc triển khai giải pháp này còn đơn giản hơn việc thực hiện giải pháp T + 2.

13. Chuyển Đơn vị Thanh tra thuộc UBCKNN về Thanh tra Bộ Tài chính: Để đảm bảo tính độc lập, tính hiệu quả đầy đủ và chủ động trong công tác thanh tra và không bị xung đột lợi ích. Việc chuyển Thanh tra không làm tước đi công cụ giám sát thanh tra của UBCKNN vì UB vẫn còn có Vụ Giám sát thị trường hay các Vụ

tham mưu làm công cụ thanh tra cho UBCKNN.

14. Căn cơ chính sách để xã hội hóa công tác thanh tra.

Để thực thi pháp luật nghiêm minh, làm cho TTCK thực sự hoạt động công khai, công bằng minh bạch hiệu quả thì phải huy động sự giám sát của nhà đầu tư, của cổ đông và nhiều đối tượng khác. Đó là kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới.

Có thể huy động xã hội giám sát bằng chính sách thưởng. Những người phát hiện các vụ việc vi phạm pháp luật chứng khoán trình cơ quan có thẩm quyền (Thanh tra BTC) sẽ được hưởng một tỷ lệ nhất định trên số tiền phạt thu được từ các doanh nghiệp vi phạm.

15. Chuyển Vụ Phát triển thị trường trực thuộc UBCKNN về trực thuộc Bộ Tài chính với tên gọi mới là Vụ Chính sách Chứng khoán nhằm đảm bảo tính khách quan độc lập trong hoạch định chính sách, tránh tình trạng kinh doanh hay lạm dụng chính sách.

16. Cần kiện toàn bộ máy nhân sự tại UBCKNN vì mọi vấn đề tái cấu trúc phải xuất phát điểm từ lựa chọn nhân sự giỏi, có năng lực để cheo lái con tàu chứng khoán Việt Nam tiến lên ■

BÀN VỀ...

(Tiếp theo trang 18)

niêm trọng không những ở cung tiền của NHTW hay chính sách thắt chặt tiền tệ để chống lạm phát, mà nó còn thể hiện rõ nét hơn ở chỗ nợ quá hạn của các doanh nghiệp ngày càng tăng cao, đi kèm theo đó là hàng loạt doanh nghiệp đua nhau phá sản, đã làm cho nguồn tiền quay trở lại các ngân hàng không còn ổn định như trước. Bên cạnh đó, các nguồn tiền dự trữ cho thanh khoản của các NHTM thiếu ổn định, thiếu bền vững, mang tính ngắn hạn, đặc biệt là chính sách thanh khoản chưa được các NHTM chú trọng... cũng là lý do làm cho tình hình thanh khoản của hệ thống tài chính ngân hàng ngày càng trở nên nghiêm trọng hơn. Chính vì vậy, việc Basel III đưa ra tỷ lệ thanh khoản là nhằm định hướng các ngân hàng có chính sách tốt hơn về vấn đề này trong hiện tại và tương lai.

5. Bài toán đánh đổi và chiến lược kinh doanh

Từ những phân tích trên, có thể thấy tầm quan trọng và ý nghĩa mật thiết về mối quan hệ giữa việc duy trì CAR với tỷ lệ khả năng thanh khoản của 1 NHTM. Nếu việc duy trì tỷ lệ CAR ở mức cao sẽ góp phần giải quyết được vấn đề thanh khoản của NH trong mọi hoàn cảnh và biến cố. Ngược lại, NH sẽ phải gánh chịu những hậu quả khó lường một khi có biến động xảy ra nếu NH duy trì tỷ lệ CAR thấp, khả năng thanh khoản thiếu hụt so với qui định. Tuy nhiên, việc duy trì tỷ lệ CAR ở mức cao đồng nghĩa với tỷ lệ khả năng thanh khoản lớn sẽ là bài toán khó cho NH vì nó liên quan đến bài toán lợi nhuận của NH. Tức là một khi tỷ lệ CAR cao, thanh khoản lớn, đồng nghĩa với một lượng vốn lớn của NH nằm dưới dạng

phục vụ cho nhu cầu về thanh khoản, dẫn đến khả năng sinh lợi của đồng vốn thấp hơn so với các hoạt động đầu tư và cung cấp tín dụng. Vì vậy, vấn đề mấu chốt ở đây chính là sự thay đổi về chiến lược kinh doanh của NH trước xu hướng hội nhập và cạnh tranh toàn cầu. Trong đó các NH phải có những chiến lược mạnh mẽ hơn trong việc nâng dần tỷ trọng thu phí từ các hoạt động cung cấp dịch vụ cho khách hàng thay vì tập trung quá lớn vào các hoạt động tín dụng và đầu tư như hiện nay. Hơn nữa, qua cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2007 đã cho chúng ta thấy: một thay đổi nhỏ đối với hệ thống tài chính của quốc gia này có thể gây ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp quốc gia kia ngay lập tức, do đó việc vận dụng đầy đủ tỷ lệ CAR theo tinh thần Hiệp ước Basel I hay II hay III đang trở thành đòi hỏi tất yếu khách quan của các NHTM các nước một khi các NHTM tham gia vào hệ thống tài chính toàn cầu ■